

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 03/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Bế Thành C**, sinh năm 1988.

- Bị đơn: Chị **Đinh Thị H**, sinh năm 1989.

Đều trú tại: Tổ 10, phường B, tỉnh Th.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Bế Thành C** và chị **Đinh Thị H**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

* **Về quan hệ hôn nhân:** Anh **Bế Thành C** và chị **Đinh Thị H** thuận tình ly hôn.

* **Về con chung:** Anh **Bế Thành C** có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung **Bế Tường V**, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2014 và **Bế Ngọc Th**, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị Đinh Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

* **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Anh Bế Thành C không yêu cầu chị Đinh Thị H cấp dưỡng nuôi con chung.

* **Về tài sản chung:** Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Về vay nợ chung:** Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Về án phí:** Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nguyên đơn đã nộp theo biên lai số 0000032 ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Th. Hoàn trả lại nguyên đơn số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh;
- VKSNDKV 6 – Thái Nguyên;
- Thi hành án dân sự tỉnh;
- UBND phường B,
- tỉnh Th (nơi ĐKKH);
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN

Trần Thị Dương